TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÔN ĐẢO
TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU
Bản án số:03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07/10/2019
V/v tranh chấp về ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Giáp.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Thanh;
2. Bà Phạm Thị Mỹ Tố Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 về "*Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019), giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1978 (Có mặt)
Địa chỉ: Khu dân cư số A, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.
2. Bị đơn: Ông Lê Công B, sinh năm: 1972 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu dân cư số B, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2019, bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Công B được bạn bè và gia đình mai mối, sau khi tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 1998. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Sau khi kết hôn bà H và ông B chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2005 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng thường hay cãi nhau về những vấn đề nhỏ nhặt trong cuộc sống. Ông B thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, mỗi lần như vậy đều chửi bới, đánh đập mẹ con bà H. Trong gia đình bà H là trụ cột về kinh tế, phải lo lắng và làm việc rất vất vả mà không có sự chia sẻ từ người chồng. Bà H và gia đình hai bên đã khuyên nhủ, động viên nhiều lần nhưng ông B vẫn không thay đổi. Sự việc trên kéo

dài thường xuyên, khiến cho cuộc sống của bà H bị đảo lộn, tâm lý luôn hoảng sợ, lo lắng. Tình cảm dành cho ông B không còn. Hiện nay, bà H và ông B vẫn chung sống với nhau một nhà nhưng không còn liên hệ gì về mặt tình cảm lẫn kinh tế.

Vì tình cảm với ông B thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Lê Công B.

- *Về con chung:* Bà H và ông b có 01 con chung, tên Lê Công Hậu, sinh ngày 24/10/2003. Hiện nay cháu Hậu đang ở với bà H và ông B. Giao con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, bà H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Hằng và ông Lê Công Hầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2019, ông Lê Công B trình bày:

- *Về hôn nhân:* Đồng ý với lời trình bày của bà H về điều kiện kết hôn cũng như quá trình chung sống. Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc bà H tức giận, làm đơn yêu cầu ly hôn. Ông B yêu cầu Tòa án cho một khoảng thời gian để hai vợ chồng tự hòa giải, hàn gắn tình cảm với nhau. Tuy nhiên tại các buổi làm việc, hòa giải tiếp theo ông B vắng mặt không lý do và không còn có ý kiến gì bổ sung.

- *Về con chung:* Ông B không có ý kiến gì về con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông B và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về con chung: Giao cháu Lê Công Hậu, sinh ngày 24/10/2003 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng; Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo nhận định

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị H chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Công B không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, ông B đã được Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không lý do. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo xét xử vắng mặt ông B.

[2] *Về thẩm quyền*: Xét yêu cầu của nguyên đơn, khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, quy định tại Điều 28, 40 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân:* Xét thấy, Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Công B tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1998 tại Uỷ ban nhân dân huyện Côn Đảo. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông B là hợp pháp. Quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà H vợ chồng tính tình không hòa hợp, nhiều lần xảy ra cãi vã, ông B còn thường xuyên uống rượu bia, khi say thì chửi bới, đánh đập mẹ con bà H. Hiện nay hai bên vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

[4] *Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trong hôn nhân*: Trong thời gian chung sống Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Công B có xảy ra nhiều mâu thuẫn, do hai bên thường xuyên chửi bới nhau. Hai bên bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, không thấu hiểu và chia sẻ cho nhau những khó khăn trong cuộc sống. Điều đó dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Hiện nay, bà H và ông B vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân không còn quan tâm gì đến nhau.

[5] *Xét thấy mâu thuẫn giữa Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Công B*: Đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thị H đối với ông Lê Công B.

[6] *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Công B có 01 con chung là Lê Công Hậu, sinh ngày 24/10/2003. Hiện nay cháu Hậu đang ở với bà H và ông B. Giao con chung cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, bà H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành. Xét thấy ông B có nơi ở, nghề nghiệp, thu nhập ổn định và theo nguyện vọng của cháu Hậu muốn sống cùng ông B, nên giao cháu Lê Công Hậu cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển toàn diện của con theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Về yêu cầu cấp dưỡng, bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng và ông B không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Công B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] *Về án phí:*

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị H.

1. *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Công B.

2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Công B có 01 con chung là Lê Công Hậu, sinh ngày 24/10/2003, cháu Hậu hiện đang ở với bà H và ông B.

Giao cháu Lê Công Hậu, sinh ngày 24/10/2003 cho ông Lê Công B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi cháu Hậu số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Hậu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Công B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008453 ngày 15/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trong hạn 15 ngày, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

5. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (Phòng GĐKT);
- Viện KSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Phòng Tư pháp huyện Côn Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu HS.